

Số: 526/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 04 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000)
Trung tâm Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên Việt Nam và cứu hộ động,
thực vật thuộc Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ XÂY DỰNG

ĐẾN Số: 2421
Ngày: 06/3/2024

huyện:

tu hồ sơ số:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng
6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính
phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính
phủ về việc Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07
tháng 4 năm 2010 về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và
Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 về quy định chi tiết một
số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ
Xây dựng về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng
kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ
Xây dựng về việc Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về
Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ
Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng
vùng liên huyện; quy hoạch xây dựng vùng huyện; quy hoạch đô thị; quy hoạch xây
dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính
trị về việc Xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 và tầm nhìn
đến năm 2045;

Căn cứ Nghị Quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về việc Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

Căn cứ Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Trung tâm Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên Việt Nam và cứu hộ động, thực vật thuộc Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Trung tâm Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên Việt Nam và cứu hộ động, thực vật thuộc Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 66/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Trung tâm bảo tồn tài nguyên thiên nhiên Việt Nam và cứu hộ động, thực vật thuộc Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về điều chỉnh Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Trung tâm bảo tồn tài nguyên thiên nhiên Việt Nam và cứu hộ động, thực vật thuộc Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Trung tâm Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên Việt Nam và cứu hộ động, thực vật thuộc Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 179 /TTr-SXD ngày 16 tháng 01 năm 2024 và Báo cáo thẩm định số 3641/TĐ-SXD ngày 03 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Trung tâm Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên Việt Nam và cứu hộ động, thực vật thuộc Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, ranh giới quy hoạch: thuộc xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp đất ở và đường giao thông nối vào suối Khe Me;
- Phía Nam giáp rừng phòng hộ và rừng trồng sản xuất;
- Phía Tây giáp rừng phòng hộ thôn Tân Mỹ và suối Khe Me;
- Phía Đông giáp rừng trồng sản xuất.

2. Quy mô:

- Quy mô đất đai: khoảng 175 ha, trong đó:
 - + Diện tích giai đoạn 1 (đã thực hiện): khoảng 16,8 ha;
 - + Diện tích giai đoạn 2: khoảng 158,2 ha.
- Quy mô phục vụ: Khoảng 500 người.

3. Tính chất:

- Là khu nghiên cứu, thử nghiệm về tài nguyên thiên nhiên nhằm giáo dục bảo tồn đa dạng sinh học, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, hợp tác trong nước và Quốc tế.

- Là khu trung bày, bảo tồn, cứu hộ và phát triển các loài động vật, thực vật được đầu tư hạ tầng đồng bộ, góp phần hoàn thiện quy hoạch hệ thống bảo tàng thiên nhiên Việt Nam, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập và tham quan cho khách du lịch.

4. Mục tiêu:

- Bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên; cứu hộ các loài thực vật và động vật hoang dã quý, hiếm ở khu vực miền Trung và cả nước, đặc biệt là các loài có nguy cơ tuyệt chủng, cứu hộ các cá thể nhận được từ các vụ buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã quý hiếm.

- Giáo dục môi trường và tài nguyên thiên nhiên cho học sinh, sinh viên và công chúng trên địa bàn và khu vực.

- Phát triển khoa học và công nghệ, trong đó đầu tư xây dựng và phát triển một số công nghệ mới, công nghệ cao có tích hợp nhiều lĩnh vực khoa học, công nghệ uơm tạo đạt trình độ tiên tiến; đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ xanh, sạch, tiết kiệm năng lượng, trong đó bước đầu tập trung vào các lĩnh vực như công nghệ sinh học, công nghệ môi trường,...

- Làm cơ sở pháp lý để quản lý, triển khai lập các quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư theo quy định.

5. Cơ cấu sử dụng đất:

Stt	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích lô đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Mật độ tối đa (%)	Tầng cao (tầng)
1	Thiết lập ô định vị (theo tiêu chuẩn Quốc tế) tại rừng tự nhiên để nghiên cứu biến động của hệ sinh thái	K1	24,67	14,10		
2	Trung tâm thực nghiệm, nhân nuôi các loài động vật không có xương sống có giá trị cao trong khoa học và thực tiễn;	K2	10,05	5,70	1	1
3	Vườn thực vật	K3	29,67	17,00	1	1
4	Khu nghiên cứu, bãi thử nghiệm (Polygon) phục vụ cho nghiên cứu địa sinh hóa	K4	7,50	4,30	1	1
5	Trung tâm lưu trữ mẫu vật Quốc gia về thiên nhiên và hệ thống thiết bị bảo quản mẫu khoa học sự sống và khoa học địa chất	K5	11,24	6,40	0,2	1
6	Khu nghiên cứu quá trình diễn thế tự nhiên phục hồi thảm thực vật rừng và xây dựng mô hình trình diễn phục hồi rừng tự nhiên	K6	27,31	15,60		
7	Khu nuôi thả, cứu trợ động vật hoang dã	K7	32,69	18,70		
8	Khu xây dựng giai đoạn 2016-2020 và khu vực bảo vệ hạ tầng kỹ thuật	K8	9,01	5,10		
8.1	Đất xây dựng công trình nghiên cứu, thử nghiệm	K8-A	3,40	1,90	15	1-3
8.2	Đất xây dựng công trình điều hành và dịch vụ	K8-B	1,09	0,60	30	1-3
8.3	Đất xây dựng công trình cứu trợ động vật	K8-C	2,32	1,30	15	1-3
8.4	Đất xây dựng công trình bảo tồn nguồn gen động vật 1	K8-D	0,22	0,10	15	1-3
8.5	Đất xây dựng công trình bảo tồn nguồn gen động vật 2	K8-E	0,65	0,40	15	1-3

8.6	Đất xây dựng công trình bảo tồn nguồn gen thực vật	K8-F	1,33	0,80	15	1-3
9	Đất cây xanh, mặt nước	CXMN	8,61	5,00		
10	Đất cây xanh cách ly	CXCL	5,32	3,00		
11	Đất HTKT	HTKT	0,19	0,10		
12	Đất giao thông		8,74	5,00		
12.1	Đất đường giao thông		8,62	4,90		
12.2	Đất bãi đỗ xe	P	0,12	0,10		
	Tổng cộng		175,00	100,00	1,15	1-3

6. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

- Lối tiếp cận vào khu đất lập quy hoạch được định hướng với 3 hướng:
+ Lối vào chính tiếp cận từ cổng chính của Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam hiện có.

+ Lối vào phụ được xác định tại 02 vị trí:

* Lối vào phụ thứ nhất nằm giáp đường vào thác Khe Me;

* Lối vào phụ thứ hai nằm cuối đường bê tông trục chính hiện có kết nối với đường vào Thôn Tân Mỹ;

- Khu vực K8 giữ lại các khu chức năng theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt với các hạng mục công trình đã xây dựng, vì chính, sắp xếp một số vị trí xây dựng công trình và tổng thể cảnh quan như tại vị trí khu vực dịch vụ, trưng bày và điều hành trung tâm, bổ sung các bãi đỗ xe nội bộ,... đồng thời, bổ sung một số hồ tiêu năng, kết hợp hồ cảnh quan và mương thoát nước mưa đảm bảo hành lang thoát nước lũ tại khu vực.

- Các khu vực K1, K3, K5, K6 và K7 nằm dọc theo ranh giới phía Nam của khu đất tại các vị trí có rừng tự nhiên và trải dài trên nhiều độ cao địa hình khác nhau, nhằm phục vụ nghiên cứu theo đặc thù của các chức năng này.

- Các khu vực K2, K4 giáp với khu vực đã xây dựng (khu vực K8) nhằm dễ dàng kết nối và vận chuyển thiết bị và mẫu vật sống (dạng thực vật cần được bảo tồn,...) phục vụ nghiên cứu khoa học.

- Không gian địa hình núi được giữ lại đảm bảo để phục vụ nghiên cứu khoa học, hạn chế xây dựng các công trình kiên cố. Cảnh quan khu vực mở rộng trên địa hình đồi núi chỉ xây dựng các công trình kiến trúc (có kết cấu nhẹ, mang tính lắp ráp cấu kiện) như chòi quan sát, chòi ngắm cảnh, trú mưa, nhà lưới, nhà kính, lắp bám theo địa hình, đường phục vụ nghiên cứu dạng bậc cấp, tấm đan bê tông,...

- Bố trí các đường băng cản lửa chính dọc theo ranh giới phía Đông, Nam và Tây của khu đất cách biệt với các khu rừng trồng của người dân đang canh tác với bề rộng trung bình 12m. Trong phạm vi lập quy hoạch phân khu có các đường băng cản lửa phụ rộng trung bình 6m kết nối với đường băng chính, trong các đường băng phụ này cũng bố trí các lối đi bộ phục vụ nghiên cứu, đồng thời là tuyến phân tách các phân khu chức năng tại khu vực mở rộng.

- Bố trí khu vực dịch vụ cắm trại nằm về phía Tây Bắc của khu quy hoạch, giáp với khu vực Thác Khe Me nhằm kết nối các hoạt động du lịch của khu vực bao gồm dịch vụ du lịch sinh thái Khe Me và dịch vụ du lịch học tập, nghiên cứu trải nghiệm và cắm trại tạo chuỗi dịch vụ du lịch Khe Me, Bảo tàng Thiên nhiên, Suối A Don, Suối Thanh Tân,...

7. Các quy định về chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

- Mật độ xây dựng gộp: $\leq 1,15\%$.
- Tầng cao xây dựng:
 - + Công trình xây dựng tại khu vực K8: ≤ 03 tầng.
 - + Công trình xây dựng tại khu vực mở rộng: ≤ 01 tầng.
- Tầng hầm: tối đa 01 tầng hầm.
- Hệ số sử dụng đất: $\leq 0,03$ lần.
- Chỉ giới xây dựng:
 - + Lùi $\geq 6m$ so với chỉ giới đường đỏ đối với các đường quy hoạch lộ giới 16,5m và 13,5m;
 - + Lùi $\geq 3m$ so với chỉ giới đường đỏ đối với các đường quy hoạch còn lại.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch giao thông:

- Đường giao thông đối ngoại:

Tuyến đường vào thác Khe Me, lộ giới 16,5m (4,5m + 7,5m + 4,5m).

- Đường giao thông nội bộ:

- + Mặt cắt 1-1 (đường trục chính): lộ giới là 13,5m (3,0m + 7,5m + 3,0m);
- + Mặt cắt 2-2 (các tuyến đường nội bộ khu vực xây dựng): lộ giới 5,0m;
- + Mặt cắt 3-3 (đường ven núi): lộ giới 6,5m (1,5m + 3,5m + 1,5m). Phía taluy dương bố trí rãnh thu nước với chiều rộng khoảng 1,5m.

+ Mặt cắt 4-4 (đường đi bộ phục vụ công tác nghiên cứu tại khu vực mở rộng trên địa hình núi cao) lộ giới 3m, hai bên có rãnh thu nước địa hình.

- Bãi đỗ xe: bố trí 03 bãi đỗ xe dọc theo đường trục chính lộ giới 13,5m với tổng diện tích khoảng 0,12 ha.

b) Quy hoạch cao độ nền:

Cao độ nền khu vực xây dựng khoảng từ +25,9 đến +37,2m. Một số vị trí cục bộ tại các khu vực K2, K4 và K7, trong quá trình đầu tư xây dựng công trình tiến hành san gạt cục bộ tại vị trí xây dựng, cao độ thiết kế san nền của khu vực có công trình đầu tư xây dựng được nghiên cứu cụ thể trong bước triển khai đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tại khu vực này.

c) Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải.

- Nước mưa được thu gom dọc theo các mương thu nước dọc theo các trục giao thông, thu về các vị trí công bằng đường. Bố trí tuyến mương hở phía Bắc khu quy hoạch, dọc theo tuyến đường trục chính, bề rộng mương $b = 5,0\text{m}$ đảm bảo thu gom nước mặt từ phía thượng lưu đổ về. Sau đó đổ ra theo tuyến mương hiện trạng tiếp tục theo địa hình đổ ra sông Ô Lâu.

- Độ dốc của mương cơ bản bám theo độ dốc dọc của đường giao thông.

- Độ dốc của cống đảm bảo theo tiêu chuẩn thoát nước.

d) Quy hoạch cấp nước:

- Tổng nhu cầu cấp nước trung bình khu vực khoảng $1.040,0 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

- Nguồn nước: Nguồn cấp nước được lấy từ hệ thống cấp nước đầu nối từ đường ống cấp nước D225mm cung cấp nước cho khu dân cư thôn Tân Mỹ.

- Mạng lưới đường ống bố trí dọc các trục đường tới các công trình.

- Hạng cứu hỏa: bố trí dọc theo các trục đường chính, đảm bảo khoảng cách theo quy định.

- Bố trí trạm bơm nước với công suất tính toán $1.040 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt, nước tưới chủ động cho khu vực vườn thực vật trong quá trình nuôi trồng. Đồng thời đảm bảo nguồn nước dự trữ cho PCCC trong khu vực xây dựng.

- Các khu vực khác có thể tận dụng nguồn nước tưới từ các hồ điều hòa trong khu vực quy hoạch.

đ) Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng công cộng:

- Nguồn điện:

+ Nhu cầu cấp điện cho khu vực quy hoạch khoảng $422,0 \text{ kVA}$;

+ Nguồn cấp điện: Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch được lấy đường dây trung thế 22kV đi dọc theo đường vào thác Khe Me.

+ Trạm biến áp $22/0,4\text{kVA}$ công suất 560kVA (đã được đầu tư xây dựng, đảm bảo việc cấp điện cho toàn khu vực quy hoạch).

- Mạng lưới điện:

+ Lưới điện $0,4\text{kV}$ được thiết kế đi ngầm. Cấp điện cho khu vực mở rộng có địa hình núi được xây dựng dọc trục đường chính ven núi.

- Chiếu sáng đường: Mạng lưới chiếu sáng trong khu vực sẽ được đi ngầm. Đèn chiếu sáng dùng các loại đèn có hình thức đẹp, hài hòa với cảnh quan chung. Bóng đèn ưu tiên sử dụng loại đèn tiết kiệm điện như đèn Led chiếu sáng chung cho đường đi.

e) Quy hoạch hệ thống viễn thông:

- Hệ thống hộp cáp, hộp nối được lắp đặt đồng bộ.

- Mạng lưới cáp bố trí ngầm cùng với hệ thống cấp điện trong phạm vi lề đường.

g) Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn:

- Thoát nước thải:

+ Lượng nước thải phát sinh trung bình của khu vực khoảng $90,0 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$
 + Hệ thống thoát nước thải được xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.

+ Các công trình trong khu vực lập quy hoạch đều phải có bể tự hoại.

+ Tất cả nước thải từ bể tự hoại phải được thu gom theo tuyến ống thu gom chạy dọc theo các tuyến giao thông về bể xử lý nước thải tập trung. Khu vực bể xử lý nước thải tập trung được che chắn bằng cây xanh đảm bảo mỹ quan.

+ Nước thải sinh hoạt được thu gom và đưa về trạm xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

+ Việc tính toán mạng lưới thoát nước dựa trên tiêu chuẩn cấp nước và được tính 100% tiêu chuẩn cấp nước. Nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đạt cột A theo Quy chuẩn Quốc gia 14:2008/BTNMT – Nước thải sinh hoạt.

+ Trạm xử lý nước thải hiện trạng có công suất $Q=20\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, cần nâng công suất trạm đảm bảo theo công suất tính toán $Q_{tt}=90,0\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Quy hoạch thu gom và xử lý rác thải.

+ Tổng khối lượng rác thải: $175\text{kg}/\text{ng.đ.}$

+ Giải pháp thu gom: Trong khu vực lập quy hoạch đặt các thùng thu gom rác thải (thùng loại màu sắc khác nhau để tự phân loại rác) ở một số vị trí đảm bảo mỹ quan. Rác thải sẽ được hợp đồng với công ty Môi trường để thu gom tới các vị trí trung chuyển theo quy định.

9. Giải pháp bảo vệ môi trường:

a) Bảo vệ môi trường nguồn nước: Không được đổ đất, đá, cát, sỏi, chất thải rắn, nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường và các loại chất thải khác vào nguồn nước mặt.

b) Bảo vệ môi trường không khí: Bố trí trồng cây xanh hai bên đường, công viên, các điểm xanh.

c) Bảo vệ địa hình cảnh quan: Đối với các khu vực có chênh lệch cao độ do thực hiện san gạt theo cao độ thiết kế phải thực hiện gia cố nền đất, địa hình bằng các giải pháp kỹ thuật để đảm bảo tính ổn định nền đất, bảo vệ cảnh quan của khu vực. Tại các khu vực tiếp giáp chân đồi, núi phải bố trí hệ thống mái taluy chống sạt lở; mương thoát nước mặt tránh chảy tràn.

d) Xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn được thu gom và vận chuyển về các khu xử lý chất thải rắn theo quy hoạch.

10. Các dự án ưu tiên đầu tư:

a) Đầu tư xây dựng các tuyến đường hoàn trả cho tuần tra và phòng chống cháy rừng.

b) Tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng để triển khai theo quy hoạch được phê duyệt, phù hợp với tiến độ và nguồn lực triển khai thực hiện.

c) Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện các dự án hạ tầng kỹ thuật, thực hiện khớp nối và đồng bộ các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật phù hợp theo quy hoạch phân khu được phê duyệt.

d) Lập các quy hoạch chi tiết nhằm cụ thể hóa các nội dung của đồ án quy hoạch phân khu.

Điều 2. Trên cơ sở đồ án quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt, giao trách nhiệm các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Sở Xây dựng, UBND huyện Phong Điền và các sở, ban, ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng công trình theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành.

2. UBND huyện Phong Điền hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố quy hoạch để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện; đồng thời chuyển giao các hồ sơ quy hoạch được duyệt để các cơ quan liên quan thực hiện chức năng quản lý theo quy định.

3. Nghiêm cấm việc thay đổi đồ án quy hoạch đã được phê duyệt. Các nội dung điều chỉnh, thay đổi so với quy hoạch đã được phê duyệt phải được UBND huyện Phong Điền tổng hợp, trình Sở Xây dựng rà soát thẩm định trước khi báo cáo UBND tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phong Điền; Chủ tịch UBND xã Phong Mỹ; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng khu vực huyện Phong Điền và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, QH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Hải Minh

